

Trường: THPT Lộc Ninh

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
1	NGUYỄN NGỌC BẢO ANH	01/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH						ĐẶC CÁCH	
2	ĐIẾU THỊ THẢO NHI	25/02/2010	BÌNH PHƯỚC	STIENG						TUYỂN THẮNG	
3	HOÀNG HÀ PHƯƠNG	18/10/2010	BÌNH PHƯỚC	TÀY						TUYỂN THẮNG	
4	MẠC THỊ HUỲNH THƯỜNG	29/05/2010	BÌNH PHƯỚC	TÀY						TUYỂN THẮNG	
5	ĐIẾU HOÀNG TÚ	27/10/2010	BÌNH PHƯỚC	STIENG						TUYỂN THẮNG	
6	NGUYỄN TRIỆU GIA VỸ	16/05/2010	BÌNH PHƯỚC	TÀY						TUYỂN THẮNG	
7	THỊ NUỜNG	28/11/2010	BÌNH PHƯỚC	STIENG						TUYỂN THẮNG	
8	THỊ PHAI	12/05/2010	BÌNH PHƯỚC	STIENG						TUYỂN THẮNG	
9	THỊ RỪNG	08/07/2010	BÌNH PHƯỚC	STIENG						TUYỂN THẮNG	
10	ĐIẾU LONG	17/12/2010	BÌNH PHƯỚC	STIENG						TUYỂN THẮNG	
11	ĐỖ TRUNG MAI ANH	31/03/2010	HUNG YÊN	KINH	9.000	9.500	10.000	1.0		NV2	
12	LÂM NGỌC TRÂM	28/06/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.750	9.000	9.600	1.0	28.350	NV1	
13	VŨ TÂM AN	20/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	9.250	9.000	9.600			NV2	
14	HÀ THU THẢO	15/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	8.750	9.000	1.0	27.500	NV1	
15	LÊ MINH ĐĂNG	24/11/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.750	9.500	9.200			NV2	
16	NGUYỄN LÊ THẢO HIỀN	13/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.500	8.750	9.200			NV2	
17	NGUYỄN HỮU KHÁNH	12/01/2010	TP.HỒ CHÍ MINH	KINH	8.250	9.500	9.600		27.350	NV1	
18	BÙI THỊ THANH MAI	14/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	9.300			NV2	
19	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	10/05/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	9.000	9.250	9.000		27.250	NV1	
20	VĂN TÚ THIÊN TRÍ	08/07/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	10.000	9.400		27.150	NV1	
21	PHẠM TRẦN NGỌC BÍCH	05/01/2010	HỒ CHÍ MINH	KINH	8.500	9.000	9.600			NV2	
22	TRẦN HOÀI MY	26/01/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.250	9.000	9.800		27.050	NV1	
23	NGUYỄN QUỐC LỢI	04/08/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.500	9.500	8.900		26.900	NV1	
24	NGUYỄN THỊ THANH MAI	18/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	9.500	9.800			NV2	
25	NGUYỄN NHƯ BÌNH	28/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	8.250	10.000		26.750	NV1	
26	TRẦN BÁ MINH	22/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.500	9.000		26.750	NV1	
27	LÊ KHÁNH ĐAN	29/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	8.750	9.200			NV2	



TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
28	NGUYỄN THỊ DIỄM HẰNG	17/07/2009	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	9.500	7.900	1.0	26.650	NV1	
29	NGUYỄN KHÁNH HUỠN	08/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.500	8.400	1.0	26.650	NV1	
30	NGUYỄN MINH VY	08/02/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.000	9.250	9.400			NV2	
31	HÀ THỊ CẨM VI	12/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.250	8.800		26.550	NV1	
32	LÊ KHÁNH VY	14/03/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	9.000	9.800		26.550	NV1	
33	NGUYỄN VĂN CHÁU	14/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	9.500	8.400	1.0	26.400	NV1	
34	TRẦN THẮNG TRUNG	06/06/2010	LÂM ĐỒNG	KINH	7.500	9.500	9.400		26.400	NV1	
35	NGHIÊM XUÂN PHÚ	24/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.250	9.000	9.000		26.250	NV1	
36	NGUYỄN HOÀNG XUÂN NGHI	08/01/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	8.750	9.200		26.200	NV1	
37	VÕ KHÁC AN	13/10/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	9.000	9.400		26.150	NV1	
38	NGUYỄN THANH THÙY	12/04/2010	HỒ CHÍ MINH	KINH	8.250	8.500	9.400			NV2	
39	VÕ THỊ YẾN NHI	28/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	9.250	9.400			NV2	
40	NGUYỄN NGỌC MINH MINH	05/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.250	8.600		26.100	NV1	
41	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG QUYÊN	25/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	9.000	9.000		26.000	NV1	
42	NGUYỄN THÚY CHÂU	07/01/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	8.500	9.200		25.950	NV1	
43	BUI NGUYỄN HOÀI VY	01/10/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	MƯỜNG	7.250	9.250	8.400	1.0	25.900	NV1	
44	NGUYỄN HẢI ANH	06/01/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	9.500	8.500		31.250	NV2	
45	NGUYỄN HUỠN VY	23/03/2010	HÀ NỘI	KINH	8.000	9.500	8.200		25.700	NV1	
46	LÊ THỊ BẢO CHÂU	01/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.500	8.750	8.400		25.650	NV1	
47	HỒ QUỐC ĐẠT	08/12/2010	BÌNH ĐỊNH	KINH	8.000	9.250	8.400			NV2	
48	LÊ ĐỨC THÀNH	23/02/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.500	9.500	8.600		25.600	NV1	
49	LÊ CÔNG MINH	30/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	9.500	8.600		30.860	NV2	
50	PHAN CÔNG BẢO	17/11/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.500	9.250	5.800	2.0	25.550	NV1	
51	TRẦN TRIỆU ĐỎ	09/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.750	9.500	8.200		25.450	NV1	
52	LÊ GIA KIỆM	27/11/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.000	9.250	8.200		25.450	NV1	
53	TRẦN QUANG MINH	02/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.500	8.700		25.450	NV1	
54	NGÔ PHƯƠNG NHẢ	30/11/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.750	9.500	9.200		25.450	NV1	

Trường: THPT Lộc Ninh

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
55	HUỖNH GIA HÂN	22/04/2010	HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	8.500	9.200			NV2	
56	NGUYỄN NGỌC HOÀI THƯỜNG	03/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	9.250	8.400		25.400	NV1	
57	LÊ QUỐC HUY	20/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.500	7.400			NV2	
58	NGUYỄN THẢO VY	01/10/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.000	8.250	9.000			NV2	
59	LÊ THỊ LINH SAN	01/01/2010	HÀ TĨNH	KINH	7.500	9.500	8.200		25.200	NV1	
60	CAO NGUYỄN PHÚC	17/08/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.500	9.250	8.400		25.150	NV1	
61	NGUYỄN THỊ THANH TRÂM	25/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.500	8.400		25.150	NV1	
62	TRẦN THỊ THANH TUYỀN	30/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.500	6.900		25.150	NV1	
63	NGUYỄN VĂN MINH THIÊN	02/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	9.250	8.800		25.050	NV1	
64	NGUYỄN HOÀNG NHÂN	06/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	8.250	8.800	0.5		NV2	
65	NGUYỄN THU THÙY	06/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	8.750	9.000		25.000	NV1	
66	LÊ CHÍ KIẾN	01/11/2010	TIỀN GIANG	KINH	9.000	9.000	6.900		24.900	NV1	
67	LÊ ANH THU	15/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.500	9.000	9.400		24.900	NV1	
68	HOÀNG LÊ THẢO YẾN	18/01/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.250	8.000	9.600		24.850	NV1	
69	ĐOÀN NGUYỄN MINH THƯ	21/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	9.250	7.300		24.800	NV1	
70	PHAN KHÁNH NGÂN	20/06/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.250	8.250	9.200		24.700	NV1	
71	PHẠM MỸ THU NGÂN	16/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	8.500	8.600			NV2	
72	HOÀNG GIA BÁO	12/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	9.000	7.000		24.500	NV1	
73	ĐỒNG GIA NGHI	18/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	10.000	7.000			NV2	
74	TRẦN HOÀNG GIANG	21/01/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.750	9.000	7.500		26.750	NV2	
75	PHẠM TUẤN HUY	10/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	8.000	8.700		24.200	NV1	
76	VŨ NGUYỄN THU HUỖYỀN	03/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	8.500	7.200		24.200	NV1	
77	NGUYỄN NGỌC MINH NGÂN	03/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	8.250	8.900			NV2	
78	NGUYỄN PHAN QUỲNH CHÌ	21/06/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.750	8.500	7.900		25.650	NV2	
79	ĐỒNG QUANG ANH	11/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	9.000	8.800		24.050	NV1	
80	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	31/05/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.000	9.250	6.800		24.050	NV1	
81	TRƯƠNG NGỌC THẢO VY	23/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	9.250	6.200	1.0	23.950	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ưu kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
82	TRỊNH GIA MÃN	11/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	7.500	8.400		23.900	NV1	
83	LƯU THIÊN ĐỨC	04/07/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.500	8.750	7.500		23.750	NV1	
84	VÂN Ý NHI	09/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	7.750	7.600		23.600	NV1	
85	NGUYỄN TRUNG HIẾU	31/08/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.750	8.500	9.300		23.550	NV1	
86	CAO MINH TRÍ	30/10/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.250	8.500	7.800		23.550	NV1	
87	VÕ NGỌC NHƯ Ý	25/12/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.000	7.500	9.000		23.500	NV1	
88	ĐỖ ĐỨC KHÁI	28/10/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.250	8.500	7.700		23.450	NV1	
89	LÊ TRẦN AN THY	03/04/2010	HỒ CHÍ MINH	KINH	8.000	8.750	6.700			NV2	
90	TRẦN THỊ YẾN LINH	09/11/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.750	8.250	7.400		23.400	NV1	
91	PHAN THỊ TƯỜNG VY	25/04/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.250	7.750	8.400		23.400	NV1	
92	VŨ HUYỀN TRÂM	08/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	9.000	5.600		23.350	NV1	
93	PHAN NGỌC TUỆ	27/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	9.000	8.250	6.000		23.250	NV1	
94	VŨ ĐỨC TRUNG	28/08/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.750	9.000	7.500			NV2	
95	NGUYỄN LÊ HỒNG ĐỨC	01/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	8.500	8.200		23.200	NV1	
96	LƯU TRẦN CHÍ KIẾN	11/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	8.750	7.200		23.200	NV1	
97	PHẠM THỊ MINH THU	20/04/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.500	8.500	7.200		23.200	NV1	
98	LÊ NGỌC TƯỜNG VY	02/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.750	8.000	6.400		23.150	NV1	
99	BÙI THỊ YẾN LINH	21/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	8.750	6.900		27.650	NV2	
100	TRƯƠNG VIỆT ANH	14/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	9.500	6.600		23.100	NV1	
101	LÊ NGỌC NHƯ Ý	18/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	7.750	7.100		23.100	NV1	
102	ĐÀO THỊ NGỌC YẾN	07/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	9.500	6.600			NV2	
103	NGUYỄN HUY HOÀNG	14/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	7.000	7.800		23.050	NV1	
104	TRẦN HUỖNH PHƯƠNG NGUYỄN	25/02/2010	BÌNH THUẬN	KINH	8.000	8.250	6.800		23.050	NV1	
105	TRẦN ĐĂNG SANG	28/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	7.250	9.000		23.000	NV1	
106	NGUYỄN ĐÌNH HUY	30/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	9.250	6.700		22.950	NV1	
107	NGUYỄN PHƯỚC HÙNG	20/11/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.000	7.250	7.700		22.950	NV1	
108	NGUYỄN DUY KHANG	10/10/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.250	8.750	6.900		22.900	NV1	

Trường: THPT Lộc Ninh

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
109	VŨ ANH QUÂN	14/12/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.500	9.750	6.600		22.850	NV1	
110	TRẦN TRINH QUỐC ANH	30/08/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.750	8.000	8.000		22.750	NV1	
111	TRẦN MAI VÂN	27/05/2010	THANH HÓA	KINH	7.000	8.750	6.000	1.0	22.750	NV1	
112	LÊ KHÁ ĐI	16/07/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.500	6.750	8.400		22.650	NV1	
113	TRẦN NGỌC BÍCH	10/07/2010	BẮC NINH	KINH	7.750	9.500	5.400			NV2	
114	LÃ MINH HUY	23/03/2010	BÀ RIA VŨNG TÀU	KINH	6.500	7.500	8.600			NV2	
115	TRẦN THỊ THUẬN	06/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	7.750	7.300		22.550	NV1	
116	LÊ TRÀ MY	15/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	6.500	8.000		22.500	NV1	
117	TRẦN NGỌC PHƯƠNG THẢO	09/06/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	8.250	6.000		22.500	NV1	
118	PHAN TUẤN ANH	05/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	8.250	8.400		22.400	NV1	
119	HUỲNH TRƯỞNG HOÀNG DIỄN	14/01/2010	ĐỒNG THÁP	KINH	6.000	9.000	7.400		22.400	NV1	
120	NGUYỄN THANH THÀNH ĐẠT	10/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	7.750	6.400		22.400	NV1	
121	LÝ GIA HÂN	15/11/2010	THỪA THIÊN HUẾ	KINH	8.500	9.500	4.400		22.400	NV1	
122	PHẠM TUẤN KHANH	04/04/2010	SƠN LA	KINH	7.250	8.250	6.900		22.400	NV1	
123	NGÔ ANH THỨ	07/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	8.750	6.150		22.400	NV1	
124	CAO NGỌC NHƯÝ	21/08/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.000	8.250	6.000		22.250	NV1	
125	BÙI NGỌC KIẾN VÂN	06/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	8.750	7.200		22.200	NV1	
126	HOÀNG VÂN MẠNH	15/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.250	5.600		22.100	NV1	
127	NGUYỄN NGỌC THUY VY	23/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	8.750	5.600		22.100	NV1	
128	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH AN	26/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	7.000	7.300		22.050	NV1	
129	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	13/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	8.500	5.200		21.950	NV1	
130	NGUYỄN HOÀNG LONG	03/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	9.500	6.200		21.950	NV1	
131	TRẦN NHẬT KHÁNH DUY	16/07/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	8.250	8.500	5.100		21.850	NV1	
132	PHẠM PHƯỚC MINH QUYẾN	04/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	7.250	7.100		21.850	NV1	
133	NGUYỄN PHẠM GIA KHANG	08/09/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	7.000	7.000		21.750	NV1	
134	TRẦN HOÀNG ĐIỂM MY	17/11/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.500	7.500	6.700		21.700	NV1	

Trường: THPT Lộc Ninh

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
135	VÔ BÙI HOÀI THƯỜNG	25/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	8.000	5.200			NV2	
136	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	20/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	7.000	6.400		21.650	NV1	
137	HOÀNG TRẦN ĐĂNG KHOA	03/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	9.250	5.400		21.650	NV1	
138	TRỊNH THỊ PHƯƠNG TRÂM	18/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	8.750	5.900		21.650	NV1	
139	VÕ THỊ ANH THY	11/09/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	8.000	7.000	6.600			NV2	
140	NGUYỄN NGỌC GIÁNG HƯƠNG	03/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	6.250	7.300		21.550	NV1	
141	ĐINH THỊ THANH TÂM	03/12/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	6.000	9.250	6.300		21.550	NV1	
142	LÊ THỊ THANH TRÚC	16/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	8.000	6.300		21.550	NV1	
143	TRƯƠNG HÙNG ANH	04/05/2010	ĐỒNG NAI	KINH	5.250	8.500	7.600		21.350	NV1	
144	LÊ THỊ THANH NGÂN	29/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	9.250	5.100		21.350	NV1	
145	NGUYỄN THỊ MAI TRANG	20/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	7.000	6.500		21.250	NV1	
146	NGUYỄN KHÁ TÚ	09/12/2010	HỒ CHÍ MINH	KINH	8.250	9.500	3.500			NV2	
147	LÊ THỊ AN AN	29/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	8.250	5.200		21.200	NV1	
148	TRẦN ĐĂNG KHOA	25/01/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	7.000	8.000	6.200		21.200	NV1	
149	ĐOÀN ĐỨC MINH	13/08/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.000	9.000	5.200		21.200	NV1	
150	LÊ HOÀNG HẠNH NGUYỄN	17/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	8.250	4.700		21.200	NV1	
151	TRẦN VÕ ANH THU'	28/02/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.250	7.250	6.700		21.200	NV1	
152	TRẦN ANH TÚ	23/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	8.000	5.400	1.0	21.150	NV1	
153	LÊ THỊ NGỌC NHƯ'	04/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	7.750	5.600		21.100	NV1	
154	LÊ HOÀNG THANH UYÊN	06/10/2010	BÌNH THUẬN	KINH	8.000	7.000	6.100			NV2	
155	ĐỖ DUY KHANG	19/10/2010	TÂY NINH	KINH	5.750	8.000	7.300		21.050	NV1	
156	NGUYỄN PHI LONG	20/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	8.750	4.000	1.0	21.000	NV1	
157	VÕ ĐÀO BẢO NGỌC	10/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	9.250	6.000		21.000	NV1	
158	NGUYỄN CÔNG HẬU	24/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	7.750	6.400		20.900	NV1	
159	LÊ NHẬT ANH ĐĂNG	11/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.000	4.600		20.850	NV1	
160	NGUYỄN TRẦN HUY HOÀNG	05/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	5.250	8.100		20.850	NV1	
161	TRỊNH HOÀNG GIA TUỆ	07/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	7.250	6.300		20.800	NV1	



TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
162	TRƯƠNG PHƯƠNG ANH	04/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	8.250	5.200		20.700	NV1	
163	NGUYỄN ĐẮC ANH Hào	12/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	8.250	5.700		20.700	NV1	
164	THỊ Kà PHA	25/05/2010	BÌNH PHƯỚC	S'TIẾNG	8.000	6.000	5.700	1.0	20.700	NV1	
165	Lê MINH ĐỨC	05/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	8.500	4.100		20.600	NV1	
166	ĐINH NHẬT MINH KHOA	06/10/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	7.250	5.100		20.600	NV1	
167	Lê THỊ THU TRINH	20/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	7.750	6.100		20.600	NV1	
168	ĐINH GIA BẢO	21/06/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.750	7.500	7.300		20.550	NV1	
169	ĐỒNG THỊ HƯƠNG GIANG	07/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	8.750	5.000		20.500	NV1	
170	Lê THỊ KIỀU NHÌ	16/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	8.750	4.700		20.450	NV1	
171	NGUYỄN MINH TRÍ	25/11/2010	ĐỒNG NAI	KINH	7.000	6.750	6.700		20.450	NV1	
172	CAO ĐỨC TUẤN	02/02/2010	PHÚ THỌ	KINH	7.000	7.750	5.600		20.350	NV1	
173	NGUYỄN MINH HOÀNG	25/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	4.250	7.300	1.0	20.300	NV1	
174	NGUYỄN KIM NGÂN	30/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	4.000	8.300		20.300	NV1	
175	Lê THỊ DƯƠNG	10/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.000	7.250	5.900	1.0	20.150	NV1	
176	NGUYỄN TRƯỜNG NHẬT TÂN	26/10/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.750	9.500	3.900		20.150	NV1	
177	NGUYỄN NGỌC ANH TUYẾT	10/05/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	8.250	5.250	6.500			NV2	
178	NGUYỄN MINH HIẾU	03/12/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.250	6.250	7.400	1.0	19.900	NV1	
179	NGUYỄN NGỌC GIA BẢO	16/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	8.000	4.600		19.850	NV1	
180	Lê TRẦN GIA HÂN	28/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.750	6.250	6.800		19.800	NV1	
181	Hà XUÂN ANH KHOA	12/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	9.000	3.800		19.800	NV1	
182	NGUYỄN THỊ MỸ LÊ	11/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	6.750	6.300		19.800	NV1	
183	PHAN TUẤN PHÁT	04/02/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.250	8.250	5.300		19.800	NV1	
184	NGUYỄN MINH QUÂN	24/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	7.000	5.800		19.800	NV1	
185	BÙI THANH THẢO	15/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	7.500	5.300		19.800	NV1	
186	NGUYỄN HOÀNG HUY	05/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	5.750	6.200	1.0	19.700	NV1	
187	TRINH GIA HUY	17/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	9.250	3.200		19.700	NV1	
188	NGUYỄN ANH KIẾT	19/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	8.000	5.900		19.650	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ưu kkk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
189	PHAN QUỐC TRINH	07/01/2010	NAM ĐỊNH	KINH	6.250	9.000	3.400	1.0	19.650	NV1	
190	ĐƯƠNG LÊ PHƯƠNG VY	27/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.500	7.750	3.400		19.650	NV1	
191	NGUYỄN PHẠM THANH GIÀU	22/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	7.750	4.100		19.600	NV1	
192	ĐINH THỊ HOÀI MỸ	29/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	8.250	3.600		19.600	NV1	
193	TRẦN NGỌC TÚ NHƯ	26/10/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.750	5.250	6.600		19.600	NV1	
194	LÝ THỊ MỸ QUYÊN	11/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	9.000	5.600		19.600	NV1	
195	LÊ GIA THY	01/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	6.750	6.600		19.600	NV1	
196	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	16/09/2010	ĐẮK LẮK	KINH	8.500	6.500	4.600		19.600	NV1	
197	PHẠM GIA HÂN	07/05/2010	BÌNH DUƠNG	HOA	6.750	5.500	6.300	1.0	19.550	NV1	
198	VÕ THỊ MINH NGỌC	30/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	8.500	3.300		19.550	NV1	
199	LÊ ĐÌNH NHẤT TRONG	09/01/2010	ĐẮK LẮK	KINH	8.500	6.750	4.300		19.550	NV1	
200	NGUYỄN DIỄM MI	14/10/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	7.750	8.250	3.500		19.500	NV1	
201	NGUYỄN THỊ HOÀI NGỌC	18/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	6.250	5.500		19.500	NV1	
202	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	03/02/2010	HẢI PHÒNG	KINH	7.250	6.500	5.700		19.450	NV1	
203	NGUYỄN PHƯƠNG TIỀN	01/10/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	5.250	6.500	6.700	1.0	19.450	NV1	
204	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	23/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	7.000	5.850		19.350	NV1	
205	NGUYỄN TRẦN LÊ VY	11/11/2010	GIA LAI	KINH	7.000	6.500	5.850		19.350	NV1	
206	ĐẶNG QUỐC BÌNH	29/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	8.250	4.800		19.300	NV1	
207	CAO KIẾT	22/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	7.500	5.800		19.300	NV1	
208	TRẦN THỊ DIỆU HUYỀN	01/12/2010	HÒA BÌNH	KINH	7.250	5.250	6.700		19.200	NV1	
209	HOÀNG ANH THỦ	09/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	8.000	3.700		19.200	NV1	
210	NGUYỄN MINH ANH	11/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	6.500	5.100		19.100	NV1	
211	PHẠM DUY BẢO	17/12/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.750	6.250	6.100		19.100	NV1	
212	NGUYỄN PHƯƠNG BẢO KHANG	30/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	7.750	3.600		19.100	NV1	
213	VÂN MINH NGUYỆT	03/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	8.250	3.100		19.100	NV1	
214	ĐOÀN THỊ HOÀNG NGÂN	03/03/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.000	8.000	5.000		19.000	NV1	
215	VŨ HOÀNG NGỌC QUÝ	02/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	7.750	4.000		19.000	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
216	TRƯƠNG DUY PHÁT	08/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	7.250	4.700		18.950	NV1	
217	VŨ HUY HOÀNG	24/02/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.250	8.000	3.600		18.850	NV1	
218	PHẠM THỊ HOÀI AN	04/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	9.000	3.500		18.750	NV1	
219	MAI THỊ NGÂN	16/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	5.750	6.000		18.750	NV1	
220	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH	17/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	7.750	5.500		18.750	NV1	
221	PHẠM NGUYỄN HÙNG	14/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	8.250	2.700		18.700	NV1	
222	VŨ NGUYỄN GIA KHANG	23/01/2010	KIẾN GIANG	KINH	6.750	7.250	4.650		18.650	NV1	
223	LÊ YẾN NHI	23/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	6.750	5.600		18.600	NV1	
224	LÂM NGỌC ĐOAN TRANG	10/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	8.250	3.600		18.600	NV1	
225	LÊ THỊ HỒNG DUYỀN	28/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	8.250	2.800		18.550	NV1	
226	LÊ THỊ BẢO YẾN	19/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	4.750	7.050		18.550	NV1	
227	NGUYỄN THIÊN KHANG	27/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	7.000	4.500		18.500	NV1	
228	LÊ NGUYỄN	18/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	6.750	6.000		18.500	NV1	
229	CAO THỊ YẾN	26/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	8.500	3.500		18.500	NV1	
230	PHAN NHẬT MINH HOÀNG	05/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	7.250	5.700		18.450	NV1	
231	MAI THỊ MỸ THANH	31/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	6.500	6.200		18.450	NV1	
232	PHAN TRẦN BẢO NGỌC	17/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	7.500	4.900		18.400	NV1	
233	NGUYỄN HẠ LAN NHI	27/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	8.500	2.400		18.400	NV1	
234	NGUYỄN BẢO NAM	26/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	8.000	3.600		18.350	NV1	
235	LÊ ANH KIẾT	09/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	8.000	3.800		18.300	NV1	
236	PHAN NGỌC LÂM	15/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	7.750	3.800		18.300	NV1	
237	BÙI THỊ CẨM LY	11/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	7.500	4.800		18.300	NV1	
238	TRẦN TRUNG NGHĨA	05/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	8.750	3.500		18.250	NV1	
239	NGUYỄN VĂN QUÂN	22/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	5.500	6.000		18.250	NV1	
240	TRỊNH ĐÌNH CHÍ	05/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	8.750	3.200		18.200	NV1	
241	NGUYỄN HIẾU ANH	19/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	6.250	4.400		18.150	NV1	
242	ĐINH CÔNG HUY	10/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	7.250	3.600		18.100	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
243	PHẠM NGUYỄN NHẬT MINH	07/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	7.500	5.100		18.100	NV1	
244	NGUYỄN HOÀI NAM	12/05/2010	LÂM ĐỒNG	KINH	6.750	7.750	3.600		18.100	NV1	
245	PHẠM VĂN DŨNG	01/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	5.500	4.200		17.950	NV1	
246	NGUYỄN SƠN NAM	22/09/2010	TIỀN GIANG	KINH	6.250	8.500	3.200		17.950	NV1	
247	NGUYỄN LÊ NHƯNGỌC	20/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	5.750	5.200		17.950	NV1	
248	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	30/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	6.500	5.200		17.950	NV1	
249	LÊ QUANG BẢO	21/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	7.000	4.900		17.900	NV1	
250	PHẠM THỊ QUỲNH DỊU	22/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	5.250	4.400		17.900	NV1	
251	ĐẶNG QUANG HOÀN	01/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	4.250	5.900		17.900	NV1	
252	NGUYỄN DUY KHAI	24/08/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.750	7.250	3.900		17.900	NV1	
253	HỒ NGUYỄN THAI PHONG	19/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	7.000	4.400		17.900	NV1	
254	TRẦN HOÀNG KỶ THƯ	21/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	5.250	6.900		17.900	NV1	
255	NGUYỄN THANH ĐỒNG	02/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	6.250	4.800		17.800	NV1	
256	NGÔ TRÀ MY	09/03/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	5.250	7.750	4.800		17.800	NV1	
257	NGUYỄN HỒNG VI THOẠI	03/03/2010	KIẾN GIANG	KINH	6.250	4.500	7.000		17.750	NV1	
258	LÊ THỊ NHƯỠY	21/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	8.000	3.450		17.700	NV1	
259	NGUYỄN THỊ KHÁNH BÀNG	25/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	5.750	4.900		17.650	NV1	
260	LÊ THỊ LỆ TIỀN	19/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	6.750	3.900		17.650	NV1	
261	NGÔ NGUYỄN THỦY TIỀN	20/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	4.000	6.400		17.650	NV1	
262	TRIỆU KHÁNH VY	21/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	5.750	5.400		17.650	NV1	
263	DƯƠNG THỊ THANH HÀ	12/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	6.000	6.100		17.600	NV1	
264	NGUYỄN VŨ KHÁNH HUYỀN	08/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	7.500	3.100		17.600	NV1	
265	NGUYỄN CHÍ THÀNH	04/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	6.250	5.100		17.600	NV1	
266	PHAN KHANG TRÍ	09/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	7.000	5.100		17.600	NV1	
267	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	24/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	6.500	5.600		17.600	NV1	
268	TRẦN NGUYỄN BẢO TRUNG	07/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	6.750	4.800		17.550	NV1	
269	NGÔ THỊ HƯỜNG	12/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	7.500	3.500		17.500	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
270	ĐỖ THỊ MAI PHƯƠNG	05/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	6.500	3.500		17.500	NV1	
271	LÊ BẢO PHÚC	04/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	5.000	8.250	4.200		17.450	NV1	
272	NGUYỄN HOÀNG TƯỜNG VY	12/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	6.250	4.700		17.450	NV1	
273	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	07/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.750	4.250	5.400		17.400	NV1	
274	LÊ HỒNG PHÚC	03/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	6.750	3.900		17.400	NV1	
275	ĐẶNG THỊ THÚY VY	18/02/2010	TIỀN GIANG	KINH	7.750	5.750	3.900		17.400	NV1	
276	HOÀNG VŨ LÂM	20/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	6.500	4.100		17.350	NV1	
277	VŨ ANH TUẤN	06/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	8.000	2.800		17.300	NV1	
278	LÂM THỊ CẨM BÌNH	01/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	6.250	3.500		17.250	NV1	
279	NGUYỄN VŨ HOÀNG	24/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	7.750	3.000		17.250	NV1	
280	LÊ THỊ HOÀI THƯƠNG	10/11/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	5.750	5.500	6.000		17.250	NV1	
281	THÁI NGỌC TƯỜNG VY	16/02/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.000	7.250	4.000		17.250	NV1	
282	PHẠM NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	08/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	6.500	3.200		17.200	NV1	
283	LÊ KHÁNH AN	21/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	4.750	5.400		17.150	NV1	
284	HŨA NGÔ NHẬT NAM	12/06/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.250	6.750	4.100		17.100	NV1	
285	ĐIỀU THỊ THÙY NHUNG	29/01/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	STIENG	6.000	5.000	5.100	1.0	17.100	NV1	
286	NGUYỄN TRẦN TUẤN TÚ	27/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.250	8.750	4.100		17.100	NV1	
287	NGUYỄN THỊ NGỌC THANH	29/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	7.000	4.800		17.050	NV1	
288	HOÀNG DUY BÌNH	13/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.750	4.750	5.500		17.000	NV1	
289	HOÀNG MAI YẾN NHI	29/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	7.250	3.000		17.000	NV1	
290	LẠI TRẦN AN NHI	15/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	4.750	6.000		17.000	NV1	
291	TRỊNH CHÍ KHANG	25/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	7.250	2.200		16.950	NV1	
292	VŨ PHẠM HOÀN MỸ	09/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	6.500	5.200		16.950	NV1	
293	ĐẶNG VIỆT QUÂN	06/11/2010	BẮC NINH	KINH	6.500	7.250	3.200		16.950	NV1	
294	PHẠM THỊ HÀ TRÂM	16/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	6.000	4.200		16.950	NV1	
295	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	26/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	6.500	2.900		16.900	NV1	
296	TẠ DUY KHÁNH	02/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	7.250	3.400		16.900	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
297	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	16/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	7.250	2.900		16.900	NV1	
298	NGUYỄN THỊ THANH PHỤNG	18/10/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.500	6.000	3.400		16.900	NV1	
299	PHẠM NHƯ CAO PHONG	04/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	4.500	7.300		16.800	NV1	
300	NGUYỄN MINH ĐỨC	14/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	6.750	3.500		16.750	NV1	
301	BACH HOÀNG HẠO NAM	08/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	9.500	2.000		16.750	NV1	
302	NGUYỄN HỮU MINH TRÍ	03/10/2010	HẢI PHÒNG	KINH	5.000	7.750	4.000		16.750	NV1	
303	NGUYỄN GIA HUY	24/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	6.250	4.950		16.700	NV1	
304	VŨ THỊ THẢO LINH	13/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	5.250	4.400	1.0	16.650	NV1	
305	NGUYỄN THỊ MAI VY	04/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	6.750	3.900		16.650	NV1	
306	TRẦN THỊ TUYẾT MAI	01/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	6.250	3.500		16.500	NV1	
307	VŨ THỊ TÚ QUYÊN	01/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	5.500	3.500		16.500	NV1	
308	NGUYỄN MINH SANG	06/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	6.000	5.000		16.500	NV1	
309	NGUYỄN NGỌC THẢO	04/04/2010	BÌNH THUẬN	KINH	6.750	5.000	4.700		16.450	NV1	
310	LƯU NGUYỄN GIA PHÚC	26/08/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.250	5.250	4.900		16.400	NV1	
311	VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	28/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	7.750	3.900		16.400	NV1	
312	NGUYỄN ANH PHÁP	17/11/2010	HÀ NỘI	KINH	5.250	8.500	2.600		16.350	NV1	
313	HOÀNG ANH ĐỨC TÀI	06/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	8.500	3.100		16.350	NV1	
314	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	09/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	5.250	5.800		16.300	NV1	
315	NGUYỄN NGỌC HUỲNH TRÂM	14/06/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	7.250	6.000	3.000		16.250	NV1	
316	TRẦN HOÀNG BẢO CHÁU	24/05/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	6.250	6.250	3.700		16.200	NV1	
317	NGUYỄN TUẤN KIẾT	05/03/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	7.500	4.500	4.200		16.200	NV1	
318	ĐẶNG THỊ LAN ANH	25/09/2010	PHÚ THỌ	MƯỜNG	5.750	5.500	3.900	1.0	16.150	NV1	
319	LÊ THỊ THU TRINH	11/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.000	4.250	3.900		16.150	NV1	
320	ĐỖ HẢI ANH	23/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	5.250	3.800		16.050	NV1	
321	TRẦN NGỌC CẨM	06/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	5.750	4.300		16.050	NV1	
322	ĐỖ VĂN ĐẠT	19/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	7.000	2.800		16.050	NV1	
323	VŨ HOÀNG PHÁT	08/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	6.000	5.000		16.000	NV1	

Trường: THPT Lộc Ninh

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm tư kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
324	ĐIẾU KHA PHƯƠNG DUNG	02/04/2010	BÌNH PHƯỚC	STIÊNG	7.250	4.000	3.700	1.0	15.950	NV1	
325	VŨ HỒNG ĐĂNG	06/11/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.250	4.750	4.900		15.900	NV1	
326	TẠ THỊ YẾN NHI	08/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	6.500	3.400		15.900	NV1	
327	NGUYỄN TRỌNG KHANG	02/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	6.500	2.600		15.850	NV1	
328	NGUYỄN HOÀNG ANH	21/09/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	4.500	8.250	3.000		15.750	NV1	
329	NGUYỄN HOÀNG ANH THU'	10/01/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.000	4.750	4.000		15.750	NV1	
330	ĐÌNH TRẦN BẢO HÂN	21/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	4.750	3.700		15.700	NV1	
331	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH HUNG	14/07/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	4.500	5.500	5.600		15.600	NV1	
332	NGUYỄN NGỌC HÀ MY	08/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	6.750	3.850		15.600	NV1	
333	PHẠM THỊ THÙY TRÂM	30/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.500	6.250	1.800		15.550	NV1	
334	LÊ TUỆ MÃN	03/11/2010	QUẢNG NGÃI	KINH	7.750	4.750	3.000		15.500	NV1	
335	NGUYỄN HOÀNG HÙNG VÕ	01/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.000	3.000	8.500		15.500	NV1	
336	DƯƠNG THỊ HOÀI THU	20/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	6.500	3.400		15.400	NV1	
337	NGUYỄN PHI HÙNG	08/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	8.250	4.500	2.600		15.350	NV1	
338	NGUYỄN HOÀNG GIA HUY	01/06/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	7.750	4.000	3.600		15.350	NV1	
339	LÊ MINH KHẢI	07/06/2010	NGHỆ AN	KINH	7.250	4.500	3.600		15.350	NV1	
340	LÝ HỒNG LINH	01/08/2010	BÌNH PHƯỚC	HOA	7.500	3.500	3.300	1.0	15.300	NV1	
341	PHẠM THIÊN NGỌC	06/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	7.000	1.800		15.300	NV1	
342	ĐỖ KIM CHI	28/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	6.250	3.500		15.250	NV1	
343	NGUYỄN QUANG NGHỊ	21/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	6.000	4.000		15.250	NV1	
344	HUỲNH LÂM THỊNH	07/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	7.750	3.000		15.250	NV1	
345	CẨM BÁ LỘC	05/09/2010	BÌNH PHƯỚC	THÁI	5.000	6.750	2.400	1.0	15.150	NV1	
346	BÙI HẢI PHÚC	27/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	6.250	3.900		15.150	NV1	
347	NGUYỄN HOÀI THU'	23/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	6.000	3.400		15.150	NV1	
348	TRẦN NGUYỄN THÁI TRẦN	08/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	6.000	3.400		15.150	NV1	
349	NGUYỄN PHẠM NHƯ ANH	17/12/2010	QUẢNG NAM	KINH	7.500	5.000	2.600		15.100	NV1	
350	PHAN TIẾN ĐẠT	14/12/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.250	4.750	4.100		15.100	NV1	

Trường: THPT Lộc Ninh

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
351	ĐẶNG THUY MY	15/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	5.750	4.100		15.100	NV1	
352	VŨ NHẬT GIA LINH	15/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	5.500	2.800		15.050	NV1	
353	THỊ THUƠNG	20/11/2009	BÌNH PHƯỚC	STIẾNG	7.500	3.500	2.900	1.0	14.900	NV1	
354	LÊ THỊ NGỌC ANH	17/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	5.500	3.600		14.850	NV1	
355	BÙI VĂN PHONG	29/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	6.000	4.100		14.850	NV1	
356	HỒ VĂN TÂM	06/10/2010	NGHỆ AN	KINH	7.000	3.250	4.600		14.850	NV1	
357	TRẦN NHẬT TÂN	21/02/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	4.500	5.250	5.100		14.850	NV1	
358	NGUYỄN BÁ HOÀNG DUY	25/09/2010	HÀ NỘI	KINH	5.750	7.250	1.800		14.800	NV1	
359	LÊ MỸ KIỀU	08/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	5.250	3.800		14.800	NV1	
360	THỊ PHỤNG KIỀU	19/10/2010	BÌNH PHƯỚC	STIẾNG	8.000	3.000	2.800	1.0	14.800	NV1	
361	ĐỖ THỊ KIỀU LINH	05/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	6.250	3.300		14.800	NV1	
362	LÊ TIẾN TÀI	11/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.750	7.250	3.800		14.800	NV1	
363	TRẦN MINH TRÀ	28/08/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.500	4.750	4.550		14.800	NV1	
364	MAI THỊ TỐ TRÂM	10/10/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.250	5.000	3.500		14.750	NV1	
365	NGUYỄN HOÀNG ANH	22/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	4.250	3.200		14.700	NV1	
366	TRẦN TRUNG NGUYỄN	16/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	4.750	4.200		14.700	NV1	
367	LÊ ANH KHOA	02/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	5.500	2.600		14.600	NV1	
368	VŨ NGỌC MINH THƯ	25/03/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.500	3.500	4.600		14.600	NV1	
369	BÙI MINH QUÂN	15/11/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.500	5.000	3.000		14.500	NV1	
370	NGUYỄN PHONG THÁI	22/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	5.750	3.500		14.500	NV1	
371	TRỊNH THANH THÙY	19/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.750	4.250	3.400		14.400	NV1	
372	VŨ TRỊNH TƯỜNG VY	08/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	3.250	4.900		14.400	NV1	
373	HOÀNG HÀ PHƯƠNG	18/10/2010	BÌNH PHƯỚC	TÂY	7.000	4.250	3.600	1.0	15.850	NV2	
374	NGUYỄN QUỐC HUY	26/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	7.250	3.000	3.100	1.0	14.350	NV1	
375	LÊ THỊ YẾN LINH	06/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	4.750	2.600		14.350	NV1	
376	NGUYỄN THỊ NGỌC NGÂN	23/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	5.250	3.600		14.350	NV1	
377	CAO THANH BÌNH AN	20/02/2010	ĐẮK LẮK	KINH	5.000	4.000	5.300		14.300	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
378	NGÔ HOÀNG AN	26/01/2010	TIỀN GIANG	KINH	5.500	6.000	2.800		14.300	NV1	
379	HỒ HỮU LỘC	04/01/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.500	5.000	3.800		14.300	NV1	
380	LÊ THỊ PHƯƠNG OANH	22/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	5.500	3.050		14.300	NV1	
381	NGUYỄN VIỆT ANH	04/04/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.500	5.750	3.000		14.250	NV1	
382	NGUYỄN MINH THƯ	05/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.000	3.250	4.000		14.250	NV1	
383	HỒ NGỌC TUYẾT	04/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	5.500	3.000		14.250	NV1	
384	NGUYỄN HIẾU NGHĨA	08/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	6.000	3.200		14.200	NV1	
385	LÊ THỊ TUYẾT TRÂM	10/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	3.000	4.900		14.150	NV1	
386	CAO TẤN LỘC	12/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	4.500	3.600		14.100	NV1	
387	LÊ THỊ THANH BÌNH	26/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	4.000	3.800		14.050	NV1	
388	VÕ HẢI ĐĂNG	27/08/2010	ĐỒNG THÁP	KINH	6.000	4.250	3.700		13.950	NV1	
389	NGUYỄN THUY CHÌ	24/05/2010	ĐẮK LẮK	KINH	7.250	4.250	2.400		13.900	NV1	
390	HUỲNH NHẬT PHONG	11/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	5.500	2.600		13.850	NV1	
391	LÊ THỊ TƯỜNG VY	13/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	5.500	2.600		13.850	NV1	
392	ĐÀO BÁ HẢI NGUYỄN	15/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	5.750	2.800		13.800	NV1	
393	BÙI HOÀNG LỘC	01/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	5.750	3.000		13.750	NV1	
394	NGÔ VĂN PHONG	18/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	6.250	3.000		13.750	NV1	
395	ĐỖ HƯƠNG GIANG	13/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	4.000	3.200		13.700	NV1	
396	VŨ QUỐC HÙNG	08/11/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	5.500	5.750	2.400		13.650	NV1	
397	LÂM THỊ YẾN MỸ	20/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KHOME	5.500	4.250	2.900	1.0	13.650	NV1	
398	TRẦN CÔNG TUẤN VŨ	02/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	5.750	2.800		13.550	NV1	
399	NGUYỄN HỮU QUỐC VIỆT	10/09/2010	BÌNH DUƠNG	KINH	6.250	3.750	3.500		13.500	NV1	
400	KHUƠNG VĂN TUẤN	20/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	4.000	4.200		13.450	NV1	
401	VŨ HUY KHANG	15/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	5.750	1.800		13.300	NV1	
402	PHẠM NGỌC THANH NGÂN	25/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	4.000	3.000		13.250	NV1	
403	VŨ QUANG HUY	15/04/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.250	4.250	3.700		13.200	NV1	
404	PHẠM HOÀNG BẢO NHÌ	28/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	3.250	3.400		13.150	NV1	

Trường: THPT Lộc Ninh

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
405	HOÀNG KHÁNH DUY	26/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	5.500	1.600	1.0	13.100	NV1	
406	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	24/12/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.000	4.250	2.800		13.050	NV1	
407	HỒ QUỲNH NHƯ	23/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	3.250	4.300		13.050	NV1	
408	TRẦN THIÊN AN	03/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	2.250	3.500		13.000	NV1	
409	HOÀNG BÁ VIỆT	21/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	4.000	3.000		13.000	NV1	
410	TRẦN KIM DIỆU	07/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	7.250	2.750	2.900		12.900	NV1	
411	HOÀNG PHI HÙNG	04/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	5.500	2.600		12.850	NV1	
412	HOÀNG NGỌC BẢO PHƯƠNG	06/02/2010	TRÀ VINH	KINH	5.250	5.000	2.600		12.850	NV1	
413	NGUYỄN ANH THƯ	27/09/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	4.250	3.600		12.850	NV1	
414	THỊ VÂN	18/10/2010	BÌNH PHƯỚC	STIÊNG	4.000	3.750	4.100	1.0	12.850	NV1	
415	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	19/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	4.500	6.500	1.800		12.800	NV1	
416	NGUYỄN QUỐC TRUNG	04/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	5.500	1.800	1.0	12.800	NV1	
417	THỊ NƯỞNG	28/11/2010	BÌNH PHƯỚC	STIÊNG	7.000	4.000	2.200	1.0	14.200	NV2	
418	TRẦN THỊ THANH TÂM	02/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	4.000	2.400		12.650	NV1	
419	BÙI NGUYỄN TÚ TRINH	14/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	4.000	2.900		12.650	NV1	
420	HÀ TRỌNG ĐỨC	28/06/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.500	4.250	2.800		12.550	NV1	
421	NGUYỄN GIA BẢO	26/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KHƠME	6.250	1.250	4.000	1.0	12.500	NV1	
422	LÊ PHẠM GIA HÂN	15/12/2010	LONG AN	KINH	5.250	4.250	3.000		12.500	NV1	
423	THỊ LAN	08/03/2010	BÌNH PHƯỚC	STIÊNG	6.500	2.000	3.000	1.0	12.500	NV1	
424	VÔ BẢO QUỐC	27/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	4.500	3.500		12.500	NV1	
425	TRẦN THỊ THÙY TRANG	17/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	4.000	3.500		12.500	NV1	
426	TRƯƠNG QUỐC TUẤN	27/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.000	7.500	2.000		12.500	NV1	
427	LÊ BÁ HOÀNG THÁI	03/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	5.500	2.200		12.450	NV1	
428	LÊ NGỌC HUỖN TRÂN	12/07/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	5.500	3.250	3.700		12.450	NV1	
429	NGUYỄN THẢO VY	07/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	2.250	4.200		12.450	NV1	
430	ĐẶNG DUY KHÁNH	18/06/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	3.500	3.300		12.300	NV1	
431	NGUYỄN THANH PHƯỚC	29/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	3.500	2.800	1.0	12.300	NV1	

Trường: THPT Lộc Ninh

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
432	PHẠM VÕ GIA NGHI	15/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.250	3.000	3.000		12.250	NV1	
433	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	22/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	3.500	2.200		12.200	NV1	
434	NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY	21/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.000	2.000	6.200		12.200	NV1	
435	NGUYỄN BÁ TUẤN KHANG	10/02/2010	NGHỆ AN	KINH	5.750	4.000	2.400		12.150	NV1	
436	TRẦN THỊ THÙY LINH	24/09/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.000	4.750	2.400		12.150	NV1	
437	ĐINH VĂN ĐẠI NAM	25/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	6.750	3.500	1.900		12.150	NV1	
438	MẠC THỊ HUỲNH THƯƠNG	29/05/2010	BÌNH PHƯỚC	TÀY	6.000	3.000	3.600	1.0	13.600	NV2	
439	THÁI THỊ TUYẾT HOA	25/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.250	5.750	2.000		12.000	NV1	
440	TÔ NHÃ LINH	19/12/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.250	2.750	3.000		12.000	NV1	
441	VÕ HOÀNG THẢO MY	16/11/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	5.750	3.250	3.000		12.000	NV1	
442	HOÀNG ANH TUẤN	29/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	3.500	3.000		12.000	NV1	
443	ĐIỀU THỊ THANH TUYẾN	30/09/2010	BÌNH PHƯỚC	S'TIÊNG	5.750	2.750	2.400	1.0	11.900	NV1	
444	TRƯƠNG TRẦN DŨNG	24/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	3.250	3.600		11.850	NV1	
445	HÀ MINH KHOA	31/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	3.000	4.200		11.700	NV1	
446	NGUYỄN QUỐC HUNG	25/03/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.500	1.500	4.600		11.600	NV1	
447	LÊ XUÂN NGHĨA	20/03/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.250	4.500	2.800	1.0	11.550	NV1	
448	ĐIỀU THỊ THẢO NHI	25/02/2010	BÌNH PHƯỚC	STIÊNG	7.000	2.000	3.000	1.0	13.000	NV2	
449	TRẦN THỊ ANH ĐÀO	25/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.250	4.750	2.450		11.450	NV1	
450	VŨ HOÀNG THẢO NGUYỄN	27/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	4.750	1.400		11.400	NV1	
451	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	21/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.000	3.000	4.400		11.400	NV1	
452	ĐINH THỊ PHƯƠNG DUYỀN	03/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	4.750	1.800		11.300	NV1	
453	HỒ VIỆT ĐẠT	26/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	3.750	2.800		11.300	NV1	
454	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	16/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	2.000	2.800		11.300	NV1	
455	PHAN ĐÌNH PHONG	12/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	3.500	3.300		11.300	NV1	
456	NGUYỄN NGỌC KIM THY	01/03/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	5.250	2.250	3.800		11.300	NV1	
457	HOÀNG HỮU GIA BẢO	30/11/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	1.250	5.000		11.250	NV1	
458	LÊ VIỆT CƯỜNG	25/08/2010	NGHỆ AN	KINH	6.000	2.250	3.000		11.250	NV1	

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm tuyệt đối	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
459	LÊ THỊ THÙY TRANG	17/02/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	3.250	5.000	3.000		11.250	NV1	
460	TRƯƠNG VIỆT MINH ANH	01/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.000	3.750	3.400		11.150	NV1	
461	TÔ THỊ KỲ PHƯƠNG	09/11/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	3.500	1.400	1.0	11.150	NV1	
462	LÊ THỊ MINH TÂM	22/09/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	4.250	3.250	3.600		11.100	NV1	
463	NGUYỄN HỒNG ANH	22/03/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	2.750	2.500		11.000	NV1	
464	TRẦN THANH HẢI	12/05/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	1.750	3.200		10.950	NV1	
465	NGUYỄN TRƯỜNG VỸ	12/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	3.500	2.200		10.950	NV1	
466	TRẦN PHƯỚC HẬU	05/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.250	2.750	2.900		10.900	NV1	
467	ĐINH DUY TÂN	02/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	4.250	1.600		10.850	NV1	
468	PHẠM THỊ THUY DƯƠNG	05/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.500	2.500	1.800		10.800	NV1	
469	TRẦN THỊ THU HIỀN	27/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	4.500	1.800		10.800	NV1	
470	ĐỖ NGUYỄN THÀNH LUÂN	17/07/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	2.250	2.800		10.800	NV1	
471	BÙI THỊ HOÀI ANH	21/05/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.750	3.000	2.000		10.750	NV1	
472	PHAN QUỐC MẠNH	18/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	3.750	2.000		10.750	NV1	
473	ĐOÀN VŨ MINH PHÚC	02/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.000	4.500	2.200		10.700	NV1	
474	TRẦN ANH TUẤN	05/10/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	3.500	2.200		10.700	NV1	
475	HOÀNG THỊ LAN ANH	02/02/2009	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	3.250	2.400		10.650	NV1	
476	LÝ THỊ MỸ DUYÊN	29/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.250	4.750	1.650		10.650	NV1	
477	TRẦN TIẾN ĐẠT	30/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	2.250	2.400		10.650	NV1	
478	NGUYỄN BÌNH KHANG	20/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	1.750	3.400		10.650	NV1	
479	KHA HỮU VÂN	28/04/2010	NGHỆ AN	THÁI	4.500	3.250	1.800	1.0	10.550	NV1	
480	NGUYỄN TRIỆU PHI YẾN	13/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	1.500	3.000		10.500	NV1	
481	BÙI TIẾN NGHĨA	19/09/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.250	4.000	2.200		10.450	NV1	
482	LÊ THỊ THUY LINH	17/02/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	2.750	4.750	2.900		10.400	NV1	
483	LÊ MINH HIẾU	22/05/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	4.750	3.750	1.800		10.300	NV1	
484	LÊ ĐỨC SƠN	28/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.750	2.750	2.800		10.300	NV1	
485	NGUYỄN QUANG VŨ	12/04/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	6.000	1.500	2.800		10.300	NV1	



Trường: THPT Lộc Ninh

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi			Điểm ut kk	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển	Ghi chú
					Văn	Toán	Anh				
486	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	24/07/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.000	2.250	3.000		10.250	NV1	
487	PHẠM KHÁ CHÁU	03/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	1.000	3.200		10.200	NV1	
488	THỊ QUỲNH	03/12/2009	BÌNH PHƯỚC	S'TIENG	4.500	2.250	2.400	1.0	10.150	NV1	
489	TRẦN THỊ HOÀI TRANG	22/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.500	2.000	2.600		10.100	NV1	
490	LÊ BẢO NAM	09/02/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	2.500	1.800		10.050	NV1	
491	VŨ TRỌNG DUY	24/05/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	4.500	3.250	2.200		9.950	NV1	
492	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	16/09/2010	TP. HỒ CHÍ MINH	KINH	5.250	3.000	1.700		9.950	NV1	
493	HỒ QUANG NHẬT	28/01/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.000	1.500	3.400		9.900	NV1	
494	VŨ THỊ NGỌC TIÊN	12/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	2.500	1.400		9.900	NV1	
495	ĐỒNG THỊ KIM THOA	04/08/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.000	1.750	4.000		9.750	NV1	
496	NGUYỄN ĐÌNH BẢO HÂN	31/03/2010	BÌNH DƯƠNG	KINH	5.500	2.000	2.200		9.700	NV1	
497	LẠI TRẦN QUỲNH ANH	19/04/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	5.750	2.500	1.400		9.650	NV1	
498	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÂN	26/10/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	3.750	2.500	3.400		9.650	NV1	
499	PHẠM QUỐC NGUYỄN	07/12/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	6.000	1.500	2.000		9.500	NV1	
500	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	22/06/2010	BÌNH PHƯỚC	KINH	4.500	2.750	2.200		9.450	NV1	

NGƯỜI LẬP BẢNG

Bình Phước, ngày 27 tháng 6 năm 2025



Dương Văn Ca

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Thống